

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ I NĂM 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỶ	SỐ DƯ CUỐI KỶ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	206.076.818.495	207.306.467.369
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.587.675.356	124.034.620.952
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.877.379.600	12.877.379.600
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	47.854.122.655	52.033.888.609
4	Hàng tồn kho	125.054.232.145	17.996.201.134
5	Tài sản ngắn hạn khác	9.703.408.739	364.377.074
II	Tài sản dài hạn	309.235.269.354	306.534.896.168
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.590.000.000	1.590.000.000
2	Tài sản cố định	272.881.512.247	270.391.102.026
	- Tài sản cố định hữu hình	136.744.478.820	134.627.805.710
	- Tài sản cố định vô hình	125.621.002.552	124.808.176.408
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.516.030.875	10.955.119.908
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.241.014.572	10.241.014.572
5	Tài sản dài hạn khác	24.522.742.535	24.312.779.570
	TỔNG TÀI SẢN	515.312.087.849	513.841.363.537
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	70.637.890.561	63.003.915.835
1	Nợ ngắn hạn	55.164.837.556	47.530.862.830
2	Nợ dài hạn	15.473.053.005	15.473.053.005
II	Vốn chủ sở hữu	444.674.197.288	450.837.447.702
1	Vốn chủ sở hữu	444.674.197.288	450.837.447.702
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	141.206.280.000	141.206.280.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	135.484.038.434	135.484.038.434
	- Vốn khác	21.242.445.149	21.242.445.149
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái		
	- Các quỹ	99.685.822.404	99.685.822.404
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	47.055.611.301	53.218.861.715
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
	- Vốn khác		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG NGUỒN VỐN	515.312.087.849	513.841.363.537

